

Những người Thái đang tham gia vào phát triển du lịch cộng đồng. Những người Mông không ngừng đẩy mạnh các mạng lưới buôn bán nông lâm sản của họ. Những người Thổ đang tìm cách để phát triển kinh tế từ tri thức dân gian về dược liệu. Những người Khor Mú cũng đưa các mặt hàng đan lát của mình ra thị trường để nâng cao thu nhập... Bên cạnh đó là các làng nghề thủ công truyền thống ở các vùng dân tộc thiểu số, các doanh nghiệp nhỏ được xây dựng để vận dụng các nguồn vốn từ gia đình, cộng đồng vào phát triển. Nhìn chung, kinh tế thị trường đang ngày càng phát triển mạnh mẽ ở vùng dân tộc thiểu số Nghệ An. Và vốn văn hóa là nguồn lực quan trọng trong quá trình phát triển. Khai thác nguồn vốn văn hóa vào phát triển kinh tế thị trường vùng dân tộc thiểu số sao cho có hiệu quả để góp phần vào việc xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống người dân gắn với bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa là mong muốn của đồng bào, cũng là mong muốn của chính quyền địa phương. Vậy nên, cần phải nhận thức lại vấn đề này một cách rõ ràng hơn cả về mặt lý thuyết cũng như thực tế để có những gợi mở, những định hướng phù hợp nhằm góp phần thực hiện mong muốn của chính quyền, của đồng bào.

KHAI THÁC VỐN VĂN HÓA VÀO PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ NGHỆ AN

■ Bùi Minh Hào

1. Vốn văn hóa và vai trò của vốn văn hóa trong phát triển kinh tế thị trường

1.1. Khái niệm vốn văn hóa

Theo Bourdieu (1986), vốn văn hóa tồn tại dưới ba trạng thái chủ yếu: i - Trạng thái thể hiện (Embodied state), là các yếu tố văn hóa được thể hiện qua chủ thể của nó, tức là con người, là những yếu tố tồn tại hiện hữu và lâu dài trong tâm trí và cơ thể của con người chủ thể văn hóa. ii - Trạng thái khách quan (Objectified state), là hệ thống các yếu tố văn hóa ở dạng tồn tại hiện hữu khách quan ngoài con người, là những hình thức vật chất của vốn văn hóa như sách vở, công cụ, nhà cửa, trang thiết bị, máy móc... hay cả những sản phẩm trí tuệ, tinh thần như các dấu tích (trace), việc thực hành các lý thuyết (realization of theories) hay phê bình các lý thuyết (critiques of theories)... cũng là vốn văn hóa ở trạng thái khách quan. iii - Trạng thái thể chế (Institutionalized state), là những yếu tố văn hóa tổ chức thành các khuôn mẫu, định hình cho sự tồn tại và hoạt động của các yếu tố văn hóa dựa trên những khuôn mẫu đó. Khái niệm vốn văn hóa của Bourdieu sau đó được Robert Putnam (1993 & 2000) và Francis Fukuyama (2001), tiếp tục phát triển. Theo các học giả này thì vốn văn hóa là những tài sản vật thể và phi vật thể tham gia vào quá

trình sản xuất để tạo ra của cải vật chất phục vụ xã hội. Nếu Bourdieu xem vốn văn hóa là tài sản cá nhân của mỗi con người thì Putnam và Fukuyama lại xem vốn văn hóa là tài sản cá nhân lẫn tập thể. Theo các học giả này thì “vốn văn hóa như một nguồn lực, được đặc trưng bởi mạng lưới xã hội, kinh nghiệm, kỹ năng, hệ giá trị, các quy tắc ứng xử, niềm tin, quan hệ có đi có lại và là một bộ phận cấu thành nên bối cảnh văn hóa của một chương trình phát triển, có thể tạo điều kiện cho sáng tạo và thay đổi” (Nguyễn Văn Chính, 2020, tr. 6-7).

Ở Việt Nam, trước đây đã có một số nhà nghiên cứu quan tâm đến vốn văn hóa (Trần Đình Hượu 1996, Trần Hữu Dũng 2002, Trần Hoài Sơn 2008...). Nhưng hầu hết các tác giả đều phân tích khái niệm hoặc đi vào một vài lĩnh vực chuyên môn mà chưa đặt ra khả năng vận dụng vào nghiên cứu phát triển. Điều này cũng dễ hiểu vì vận dụng khái niệm vốn văn hóa của Bourdieu vào nghiên cứu cụ thể ở Việt Nam cần phải xem xét nhiều vấn đề. Như Hà Hữu Nga (2020, tr.3) đã nhấn mạnh: “về cơ bản gắn liền với khái niệm các môi trường và thói quen”, nên để phù hợp với bối cảnh nghiên cứu Việt Nam, cần phải “bên cạnh vốn văn hóa cá nhân phương Tây, chúng ta sẽ bổ sung và tìm cách khai thác thêm di sản “vốn văn hóa” gắn liền với cộng đồng”. Để phù hợp với mục tiêu của mình, trong bài viết này, khái niệm vốn

văn hóa được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm cả các loại vốn mà Bourdieu đã phân tích. Điều này cũng dễ hiểu khi mà văn hóa, được hiểu theo nghĩa rộng là bao hàm cả kinh tế, xã hội, thể chế, biểu tượng và con người... Theo đó, vốn văn hóa được hiểu là các nguồn lực vật thể và phi vật thể, biểu hiện cá nhân hoặc cộng đồng, có thể luân chuyển và tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào các quá trình kinh tế để tạo ra lợi ích cho con người. Như vậy, vốn văn hóa theo nghĩa rộng có thể bao gồm 4 trạng thái cơ bản là vốn văn hóa cá nhân, vốn văn hóa cộng đồng, vốn văn hóa thể chế và mạng lưới xã hội.

1.2. Vai trò của vốn văn hóa trong phát triển kinh tế

Trước hết, vốn văn hóa là động lực, là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế thị trường. Có thể nói ứng dụng tri thức văn hóa vào quá trình phát triển được các nhà khoa học ở Mỹ bắt đầu vào cuối những năm 1940. Về sau, việc sử dụng tri thức văn hóa vào giải quyết các vấn đề xã hội càng được mở rộng ra nhiều nơi và được nhiều lĩnh vực quan tâm (Trần Hữu Sơn 2017, tr.14-15). Hiện nay, văn hóa dần được xem



Các làng nghề thủ công truyền thống vùng dân tộc thiểu số được vận dụng để phát triển kinh tế
(Ảnh: Sản phẩm dệt thổ cẩm của người Thái ở bản Hoa Tiên, Quý Châu)

như là một nguồn lực quan trọng không chỉ để quản trị xã hội mà còn để phát triển kinh tế. Văn hóa là động lực của phát triển, và nó cũng là mục tiêu của sự phát triển (Cuche 2020, tr.282; Nguyễn Văn Chính 2020, tr.5). Phát triển kinh tế thì cần nhiều nguồn lực khác nhau, nhưng văn hóa là nguồn lực quan trọng, là nguồn vốn to lớn được kế thừa và có khả năng mở rộng. “Văn hóa là nguồn lực nội sinh không bao giờ cạn kiệt. Khi nói đưa vốn văn hóa vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội cũng có nghĩa là chúng ta chấp nhận hoặc sử dụng các thành tố văn hóa của một nền văn hóa nào đó hoặc sử dụng các ý tưởng, các biểu tượng, các khía cạnh văn hóa vật thể và phi vật thể khác của nền văn hóa ấy” (Nguyễn Văn Chính 2020, tr.9).

Thứ hai, vốn văn hóa là mục tiêu của quá trình phát triển kinh tế. Và điều này thể hiện rõ nhất là phát triển kinh tế lấy con người làm trọng tâm, làm mục tiêu quan trọng. Khác với thuở ban đầu xuất hiện, phát triển đồng nghĩa với tăng trưởng kinh tế, thì nay, phát triển được gắn với nhiều chỉ số khác nhau mà con người là trọng tâm. Và như vậy thì vốn văn hóa cũng trở thành mục tiêu để phát triển. Bởi vốn văn hóa luôn hiện hữu trong chính con người và các mối liên quan của con người. Như vậy có thể thấy, văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của quá trình phát triển (Nguyễn Văn Chính 2020, tr.5). Nhiều người còn cho rằng mục tiêu văn hóa là thể hiện cao nhất, là mục tiêu cuối cùng. Như vậy, văn hóa là mục tiêu rất quan trọng của quá trình phát triển kinh tế. Trước hết, có thể thấy rõ phát triển kinh tế có nhiều mục tiêu, trong đó có mục tiêu tăng nguồn lực để bảo tồn di sản văn hóa. Và sau đó nữa là phát huy giá trị di sản văn hóa vào công cuộc phát triển kinh tế. Như vậy, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa đều gắn với phát triển kinh tế, lấy phát triển kinh tế làm nền tảng. Phát triển kinh tế tạo ra nguồn lực để đáp ứng các nhu cầu bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Thứ ba, vốn văn hóa là yếu tố quan trọng trong sự phát triển bền vững. Quá trình phát triển dựa trên việc khai thác nguồn lực tự nhiên đã ảnh hưởng nặng nề đến môi trường. Sự khai thác quá mức tự nhiên sẽ đẩy con người vào sự tận diệt. Trong khi đó, nguồn lực văn hóa, dù không vô hạn nhưng cũng rất đa dạng và phong phú. So với nguồn lực tự nhiên thì vốn văn hóa tái tạo nhanh hơn, dễ dàng thay đổi và quá trình chuyển đổi cũng

nhanh hơn. Phát triển dựa vào vốn văn hóa sẽ hạn chế dần quá trình phát triển dựa vào nguồn vốn tự nhiên, và dần chuyển từ vốn tự nhiên sang vốn văn hóa. Không chỉ vậy, khai thác vốn văn hóa có giá trị trong việc kiến tạo sự phát triển hài hòa giữa các nhóm xã hội. Nó tạo điều kiện cho nhiều nhóm người khác nhau tham gia vào quá trình phát triển hơn. Giúp họ có được những lợi ích nhất định và làm cho quá trình phát triển có tính hài hòa hơn. Nói tóm lại, như UNESCO (2010) đã tổng kết: “Văn hóa, xét trên mọi khía cạnh, là thành phần cơ bản của phát triển bền vững. Là một lĩnh vực hoạt động, thông qua di sản vật thể và phi vật thể, các ngành công nghiệp sáng tạo và các hình thức biểu đạt nghệ thuật khác nhau, văn hóa là một yếu tố đóng góp mạnh mẽ vào kinh tế phát triển, ổn định xã hội và bảo vệ môi trường. Là một kho kiến thức, ý nghĩa và giá trị thẩm nhuần tất cả các khía cạnh của cuộc sống, văn hóa cũng xác định cách con người sống và tương tác cả ở địa phương và quy mô toàn cầu”.

2. Thực trạng khai thác vốn văn hóa vào phát triển kinh tế thị trường vùng dân tộc thiểu số ở Nghệ An

Trước đây, có nhiều quan điểm cho rằng văn hóa truyền thống là một gánh nặng trong quá trình phát triển kinh tế của các cộng đồng khi xem nó là lạc hậu, hay thấy tốn quá nhiều tiền của để bảo tồn nó. Nhưng gần đây, khi kinh tế thị trường phát triển, nhiều yếu tố văn hóa được khai thác một cách hợp lý đã tạo ra giá trị kinh tế cao. Và người ta thấy văn hóa truyền thống không phải là gánh nặng mà ngược lại, là một nguồn vốn quan trọng để phát triển kinh tế. Điều đó khuyến khích các cộng đồng ở nhiều địa phương tham gia vào quá trình khai thác vốn văn hóa để phát triển kinh tế thị

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

trường.

Tại bản Nưa (xã Yên Khê, huyện Con Cuông) chúng tôi đã tiếp cận với nhiều hộ gia đình tham gia vào phát triển du lịch cộng đồng. Đây là loại hình kinh tế mới xuất hiện ở đây vào khoảng cuối năm 2011, khi một số hộ gia đình được đi tập huấn về bắt đầu đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và đón những vị khách đầu tiên. Cho đến trước khi đại dịch Covid-19 bùng nổ thì hoạt động du lịch cộng đồng ở đây đã khá mạnh mẽ. Ngoài các gia đình đón khách du lịch lưu trú thì còn có nhiều người trong bản tham gia vào các hoạt động liên quan, từ các hoạt động cung cấp lương thực phẩm, tham gia hoạt động văn nghệ để phục vụ du khách đến các hoạt động buôn bán hàng hóa lưu niệm hay lâm thổ sản cho du khách... Các hoạt động này đã tạo ra nguồn thu nhập cho khá nhiều người. Và không chỉ bản Nưa mà hàng chục bản làng khác trong tỉnh đang được đầu tư phát triển du lịch cộng đồng. Nó trở thành một xu hướng được nhiều địa phương quan tâm.

Tại bản Hợp Thành (xã Xá Lượng, huyện Tương Dương), là địa bàn sinh sống của người Mông với sự phát triển kinh tế thị trường khá hạn chế. Người dân trong bản chủ yếu là người già và trẻ con đang đi học. Phần lớn thanh niên trong bản đều đi làm ăn xa. Nhưng trong bối cảnh đó, vẫn có một cụ già ở ngay tại bản mà có thể kiếm được hàng chục triệu một năm bằng nghề rèn. Từ kỹ năng rèn truyền thống được cha và bác ruột

truyền dạy cho, người đàn ông này đã duy trì lò rèn của mình trong nhiều chục năm qua. Và hiện nay, ông không chỉ rèn để phục vụ nhu cầu trong bản mà còn rèn dao bán ra ngoài thị trường. Kỹ thuật rèn của người Mông vốn nổi tiếng nên sản phẩm của ông rèn ra cũng khá đắt khách. Và mỗi năm, ông kiếm được từ 50-60 triệu, gần bằng lương của một công nhân làm ở khu công nghiệp. Ông không phải rời xa quê và cũng tạo ra thu nhập không chỉ nuôi sống hai ông bà mà còn có để giúp con cháu.

Cách đó không xa, tại bản Minh Tiến (xã Lượng Minh, huyện Tương Dương) của người Khơ Mú cũng có những người tương tự. Trong bản cũng có những người lớn tuổi lựa chọn tìm kiếm sinh kế từ văn hóa truyền thống. Một người thì vận dụng tri thức về y dược học truyền thống để tạo ra các loại thuốc và bán cho những người có nhu cầu. Từ các bài thuốc được người cha là thầy lang truyền lại, ông này đã chịu khó lên rừng tìm các loại thuốc về chặt ra phơi khô và tạo ra các loại thuốc như chữa đau dạ dày, đại tràng, bệnh tiểu đường, cao huyết áp...



Hoạt động du lịch cộng đồng tại huyện Con Cuông

Ban đầu chữa cho một số người, sau đem bán. Người này chữa được thì nhấn bảo người kia. Cứ vậy mà tạo ra mạng lưới xã hội và cũng mang lại cho ông một khoản thu nhập khá lớn để trang trải trong gia đình. Cách nhà người này mấy bước chân, có một cụ già khác cũng sinh sống bằng việc đan lát. Trước đây, hầu hết những người đàn ông Khơ Mú đều biết đan lát. Nhưng nay cả bản chỉ còn 3 người tiếp tục đan lát. Sản phẩm chủ yếu là mâm tre, ghế, ép xôi. Theo phong tục người Khơ Mú, người sống sử dụng đồ nhựa, đồ sắt mua từ đâu về cũng được, nhưng khi làm lễ cúng tổ tiên, cúng cha mẹ thì phải dùng mâm ép bằng tre do người Khơ Mú đan. Nên nhà nào cũng phải có một bộ đồ đan truyền thống trong nhà để sử dụng khi thực hành các nghi lễ cúng tổ tiên, cúng cha mẹ hay các nghi lễ khác. Và không chỉ trong vùng mà khi đan được nhiều thì ông còn mang ra chợ bán khá đắt hàng. Công việc này cũng là nguồn sống chính của ông bà trong lúc phải trông cháu vì con cái đều đi làm ăn xa.

Ngoài ra còn nhiều trường hợp mà chúng tôi từng được biết đến như những người phụ nữ Thái về làm dâu người Ô Đu ở bản Vãng Môn (xã Nga My, huyện Trương Dương) vận dụng kỹ năng dệt may hay kinh nghiệm làm rượu cần vốn được truyền thụ từ cha mẹ để tạo ra các sản phẩm hàng hóa bán ra thị trường nhằm tăng thu nhập cho gia đình. Hàng chục hộ gia đình người Thái ở bản Hoa Tiến (huyện Quỳnh Châu) cũng hướng đến phát triển thổ cẩm ra thị trường. Hay một số gia đình người Thổ ở Quỳnh Hợp đã tận dụng tri thức dân gian về y dược học để phát triển kinh tế dược liệu. Có người vận dụng các mạng lưới xã hội để bán các sản phẩm dược liệu và tạo thu nhập đến cả trăm triệu một năm, mua được cả xe ô tô để đi lại. Nói vậy để thấy, việc vận dụng các nguồn vốn văn hóa vào phát triển kinh tế thị trường ở vùng dân tộc thiểu số vùng miền núi Nghệ An diễn ra khá đa dạng. Dù hiệu quả ở các mức độ khác nhau, nhưng các hình thức phát triển đó cũng đưa lại những ảnh hưởng nhất định. Nó chứng tỏ nếu biết vận dụng một cách hợp lý thì các giá trị văn hóa truyền thống cũng trở thành nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế thị trường. Và sự phát triển của kinh tế thị trường cũng mở ra cơ hội để người dân có thể vận dụng các nguồn vốn văn hóa vào phát triển kinh tế.

Qua những ví dụ đã đề cập đến ở trên thì có thể thấy người dân đã bước đầu biết vận dụng vốn văn hóa vào phát triển kinh tế thị trường. Cảnh quan văn hóa làng bản, nghệ thuật biểu diễn, ẩm thực, trải nghiệm là những nguồn vốn văn hóa cộng đồng được người Thái ở Bản Nưa vận dụng vào phát triển du lịch. Năng lực cá nhân từ kiến thức về văn hóa truyền thống, năng lực xây dựng và quản trị mạng lưới xã hội là những nguồn vốn văn hóa cá nhân. Còn các chính sách, thể chế quan phương và phi quan phương đều là nhân tố quan trọng để phát triển du lịch. Hay các trường hợp những người khác phát triển các sản phẩm thủ công nghiệp để phát triển kinh tế thị trường cũng vậy. Đó là tri thức về nghề rèn truyền thống, là tri thức và kỹ năng, kinh nghiệm về dệt may, đan lát hay y dược học cổ truyền. Đó là nền tảng để họ phát triển kinh tế và nâng cao thu nhập cho gia đình. Tuy nhiên, nếu tri thức dân gian, nghề thủ công truyền thống hay các giá trị văn hóa khác mang tính cộng đồng, là nguồn vốn văn hóa cộng đồng thì người vận dụng được cũng cần có kỹ năng riêng, có quan hệ xã hội, có mạng lưới xã hội rộng lớn hơn, biết sử dụng các trang thiết bị hiện đại để phát triển. Đó là vốn văn hóa cá nhân. Và càng phát triển thì nguồn vốn văn hóa lại càng giữ vai trò quan trọng.

Trong nhiều năm qua, các chính sách phát triển vùng dân tộc thiểu số thường chú trọng đến cơ sở vật chất hạ tầng. Điều đó là cần thiết vì cơ sở vật chất hạ tầng cần đi trước. Tuy nhiên, càng ngày, sự phát triển càng cho thấy vốn văn hóa có vai trò quan trọng. Chúng ta nói rất nhiều đến việc phát huy giá trị văn hóa vào phát triển kinh tế nhưng cụ thể thế nào lại ít bàn. Và những người dân đã làm rõ hơn điều đó thông qua những lựa

chọn hình thức phát triển kinh tế thị trường của mình. Nhưng người dân đang vận dụng vốn văn hóa vào phát triển một cách tự phát, đối diện với nhiều rủi ro và thiếu tính kế thừa. Ngay cả những mô hình phát triển hiệu quả thì vẫn không thu hút được người trẻ kế thừa. Bởi thanh niên chủ yếu lựa chọn đi làm ăn xa. Nhưng qua đợt dịch bệnh này, người ta nhận thấy đi làm ăn xa cũng đối diện với quá nhiều rủi ro. Nên việc quay về quê phát triển các mô hình kinh tế dựa vào nguồn vốn văn hóa của mình là điều cần thiết. Muốn vậy thì cần những chiến lược phát triển phù hợp, xem trọng sự cân bằng, lấy bảo tồn, bảo vệ làm mục tiêu để phát triển, lấy văn hóa làm động lực để phát triển, và lấy chủ thể văn hóa làm đối tượng để phát triển. Khi đó, vốn văn hóa sẽ thực sự trở thành nguồn lực phát triển quan trọng.

3. Định hướng phát triển kinh tế thị trường dựa vào vốn văn hóa

Khai thác vốn văn hóa vào phát triển kinh tế thị trường vùng dân tộc thiểu số là xu hướng mà Nghệ An theo đuổi trong nhiều năm nay. Nhiều chính sách và nhiều mô hình phát triển đã được xây dựng theo những con đường khác nhau cả từ trên xuống lẫn từ dưới lên. Tuy nhiên, nhận thức về việc phát triển kinh tế dựa vào vốn văn hóa vẫn còn hạn chế. Để góp phần nâng cao hiệu quả của việc khai thác vốn văn hóa vào phát triển kinh tế thì cần xem xét các mô

hình phổ biến đã được vận dụng ở nhiều nơi nhằm đúc rút ra những bài học quan trọng cho mình.

Mô hình đầu tiên là phát triển du lịch cộng đồng hay du lịch văn hóa, một loại hình kinh tế dựa vào vốn văn hóa. Nói vậy là bởi vốn văn hóa là nguồn lực quan trọng nhất trong phát triển du lịch cộng đồng. Và hiện nay, du lịch cộng đồng đang ngày càng trở nên phổ biến, nhưng thật sự có hiệu quả thì chỉ ở một số nơi. Để phát triển du lịch cộng đồng thì cần nhiều yếu tố. Thứ nhất là sự hài hòa giữa tự nhiên và văn hóa, sinh thái và con người. Tự nhiên hay vốn tự nhiên không thuộc vào di sản văn hóa nhưng để phát triển du lịch cộng đồng thì cũng có vai trò của yếu tố này, nhất là sự hài hòa với yếu tố văn hóa. Hầu hết các nơi phát triển được du lịch cộng đồng thường có cảnh quan tự nhiên đẹp, lạ, trong lành, là cái nôi của văn hóa cộng đồng ở địa phương. Quan trọng là cộng đồng dân cư ở đó còn giữ nhiều nét văn hóa truyền thống độc đáo. Và các giá trị văn hóa đó, ngoài việc chiêm ngưỡng, thưởng ngoạn thì còn có thể tích hợp được vào các sản phẩm hàng



Kinh tế dược liệu của người Dao ở Sapa là mô hình tiêu biểu

hóa để phát triển kinh tế. Và đó cũng là nơi mà môi trường chính trị, xã hội ổn định, con người dễ gần gũi. Chính những điều đó tạo ra sức hấp dẫn để du khách đến và cuốn hút du khách ở lại. Đồng thời có nhiều hàng hóa, dịch vụ hấp dẫn để khuyến khích du khách tiêu tiền.

Thứ hai là phát triển kinh tế từ các di tích kiến trúc văn hóa nghệ thuật, di tích lịch sử văn hóa... mà tiêu biểu như đô thị cổ Hội An, cố đô Huế, làng cổ Đường Lâm, phố cổ Hà Nội... Phát triển kinh tế từ các di tích dù được quan tâm nhiều nhưng là loại hình khó. Nhiều nơi cố gắng thực hiện nhưng để thành công thì không nhiều. Hội An hay Huế, Đường Lâm hay phố cổ Hà Nội cũng vậy. Dù thu hút được các du khách đến tham quan nhưng nguồn thu trực tiếp cũng không cao. Bởi hầu như các di tích lịch sử văn hóa, kiến trúc nghệ thuật có sức hút nhất định nhưng phải phát triển nhiều loại hình dịch vụ, nhiều sản phẩm hàng hóa đi cùng và có sức hấp dẫn du khách mới có thể thu lại được nguồn lợi nhuận. Loại hình này cũng được nhiều quốc gia khác trên thế giới vận dụng vào phát triển. Nhưng sự đầu tư là rất lớn và thu lại trong thời gian dài nên cần có chiến lược phát triển phù hợp.

Thứ ba là phát triển kinh tế di sản từ các hoạt động bảo tàng và nghệ thuật biểu diễn. Bảo tàng cũng là một nhân tố không chỉ bảo tồn mà còn phát huy được giá trị của vốn văn hóa. Trên thế giới, có những bảo tàng rất đông khách tham quan và giá vé vào rất cao nhưng vẫn đảm bảo một lượng khách đều đặn khiến doanh thu của họ rất lớn. Tuy nhiên, ở Việt Nam, hệ thống bảo tàng hoạt động hiệu quả không nhiều. Thu hút nhiều khách tham quan thì phải kể đến Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam và gần đây có một số bảo tàng khác. Tuy nhiên, doanh thu từ hoạt động bảo tàng chưa cao, các bảo tàng vẫn sống nhờ vào sự bao cấp của nhà nước là chủ yếu. Dù vậy, việc đầu tư vào bảo tàng nếu có chiến lược phù hợp và có tư duy mới mẻ thì cũng là một con đường để phát triển kinh tế di sản cần xem xét. Trong khi đó, nghệ thuật biểu diễn cũng là một lĩnh vực hấp dẫn nhưng chưa đi ra thị trường được. Các chương trình biểu diễn vẫn còn thiếu sức hút và chưa tiếp cận thị trường rộng lớn, và gặp nhiều khó khăn trong quá trình công nghiệp hóa.

Thứ tư là phát triển kinh tế dược liệu dựa vào

nguồn vốn tri thức dân gian về y học của các cộng đồng. Đây là mô hình được khá nhiều cộng đồng vận dụng vào quá trình phát triển. Tiêu biểu như kinh tế dược liệu của người Dao ở Sa Pa (Lào Cai). Từ khá lâu trước đây, người Dao và cả người HMông ở vùng miền núi Tây Bắc đã phát triển mạng lưới thương mại thảo quả - một loại hương liệu quan trọng và nổi tiếng trên thế giới. Và trong khoảng hai thập kỷ gần đây, người Dao ở Sa Pa còn phát triển nhiều loại dược liệu khác. Họ có nguồn tri thức dân gian về y học rất phong phú và có nguồn dược liệu dồi dào. Từ du lịch cộng đồng, họ kết hợp phát triển kinh tế dược liệu, và dần kinh tế dược liệu trở thành một lĩnh vực quan trọng trong các hoạt động kinh tế của họ. Hiện nay, ở bản hoạt động náo nhiệt nhất có đến trên 85% số người Dao trong bản tham gia vào các hoạt động kinh tế dược liệu. Có những gia đình có doanh thu gần 500 triệu/năm từ kinh tế dược liệu. Công ty cổ phần lớn nhất ở đây cũng có doanh thu trên 20 tỷ/năm trước khi dịch bệnh hoành hành.

Thứ năm là phát triển thủ công nghiệp và các làng nghề truyền thống theo hướng thị trường. Làng nghề truyền thống là một loại vốn văn hóa có nhiều giá trị kinh tế hay là một lĩnh vực kinh tế có nhiều giá trị văn hóa cộng đồng. Cả nước giờ có hàng ngàn làng nghề truyền thống đang phát triển, có những làng nghề tiếp cận được thị trường và phát triển một cách mạnh mẽ, nhưng cũng có những làng nghề lại bị mai một, tùy vào loại hình thủ công nghiệp cũng như tính năng động của chủ thể và cơ chế chính sách phát triển. Nhưng kinh nghiệm từ các làng nghề thành công cho thấy sự năng động từ người dân chủ thể và cơ chế linh động từ chính quyền là cơ sở để làng nghề vươn lên. Nó vừa yêu cầu giữ

gìn được đặc trưng của nghề thủ công truyền thống, vừa có những thay đổi để phù hợp với thị trường. Đặc biệt là các chủ thể tiếp cận được thị trường bằng những năng lực cá nhân và sự linh động của mình.

Thứ sáu là phát triển kinh tế lễ hội. Lễ hội cũng là một loại di sản, là một nguồn vốn văn hóa cộng đồng với những giá trị kinh tế khác nhau. Cả lễ hội truyền thống hay các lễ hội mới được kiến tạo như các lễ hội hoa, lễ hội sông nước, lễ hội ruộng bậc thang... đều có sức hút với các du khách vào tạo ra nhiều cơ hội để phát triển kinh tế. Bản thân các lễ hội nhỏ ở các làng cũng có những sức hút và tạo ra nhiều cơ hội buôn bán cho nhiều người. Những lễ hội càng lớn thì cơ hội làm ăn kinh tế được tạo ra càng nhiều. Nhưng kinh tế lễ hội cũng cần được khai thác một cách hợp lý nếu không thì không chỉ không có hiệu quả về mặt kinh tế mà còn làm ảnh hưởng đến các giá trị văn hóa của lễ hội.

Ngoài 6 loại hình khá phổ biến trên thì còn có nhiều mô hình kinh tế dựa vào vốn văn hóa khác như phát triển nông sản hàng hóa dựa vào tri thức nông nghiệp truyền thống; khai thác các lâm thổ sản địa phương; sân khấu hóa các nghệ thuật biểu diễn của các cộng đồng... Tổng hợp kinh nghiệm từ các mô hình phát triển cho thấy muốn vận dụng vốn văn hóa vào phát triển kinh tế thì phải lấy bảo tồn di sản văn hóa làm nền tảng, cần nhận thức rõ ràng hơn về vốn văn hóa. Việc lựa chọn mô hình phát triển cho cộng đồng nào cần dựa vào các

nguồn vốn văn hóa cụ thể để đầu tư chứ không phải theo cảm tính. Cần phải giữ gìn, trân trọng các nguồn vốn văn hóa cộng đồng, từ đó tìm các con đường để phát triển kinh tế cho phù hợp. Nhiều địa phương đã đưa ra định hướng khai thác vốn văn hóa vào quá trình phát triển kinh tế. Nhưng để hiệu quả thì cần phải có một chiến lược phát triển bài bản, có tầm nhìn sâu rộng và được đầu tư hệ thống. Quan trọng nhất chính là phải để chủ thể của các di sản văn hóa làm chủ và cũng là trung tâm của phát triển kinh tế. Họ phải được làm chủ thể, đưa ra kế hoạch phát triển, xây dựng các công đoạn cụ thể, chịu trách nhiệm và được hưởng thụ thành quả. Các bên liên quan tham gia vào đều được hưởng các lợi ích khác nhau theo sự phân chia hài hòa giữa các bên. Nhà nước cần tạo hành lang pháp chế và giúp đỡ cho các cộng đồng chủ thể phát triển chứ không nhất thiết phải đứng ra làm hết mọi việc. Bởi kinh nghiệm nhiều nơi cho thấy sự phát triển từ cơ sở thường mang lại nhiều hiệu quả hơn sự phát triển từ trên xuống trong bối cảnh hiện nay./.

Tài liệu tham khảo:

1. Bourdieu, P. (1986), The Forms of Capital. In J. G. Richardson (ed.) *Handbook of Theory and Research for the Sociology of Education*, New York: Greenwood Press, pp. 241-258.
2. Cuche, Denys (2020), *Khái niệm văn hóa trong khoa học xã hội*, Lê Minh Tiến dịch, Nxb Tri thức, Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Chính (2020), Nguồn lực văn hóa và phát triển cộng đồng: một tiếp cận nhân học, Tham luận tại Hội thảo khoa học Quốc tế *Nhân học và Phát triển ở Việt Nam đương đại*. Khoa Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, ngày 16/12/2020.
4. Trần Hữu Dũng (2002), Vốn văn hóa, *Tạp chí Tia Sáng, số 1*, Bản online trên <http://www.viet-studies.info/THDung/VonVanHoa.htm>.
5. Fukuyama, Francis (2001), "Social capital, civil ociety and development", *Third World Quarterly*, Vol. 22, No.1, pp 7-20.
6. Trần Đình Hượu (1996), Một số mặt của vốn văn hóa truyền thống, In trong *Đến hiện đại từ truyền thống*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
7. Hà Hữu Nga (2020), *Vốn văn hóa và du lịch*, Tài liệu viết cho Viện Nghiên cứu Ứng dụng văn hóa và du lịch. Tài liệu do TS Trần Hữu Sơn chia sẻ.
8. Putnam, Robert D. 1993, "The Prosperous Community", *The American Prospect* 4(13):35-42.
9. Putnam, Robert D 2000, *Bowling Alone: The Collapse and Revival of American Community*, New York: Simon and Schuster: 48
10. Trần Hữu Sơn (2017), *Văn hóa dân gian ứng dụng*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
11. Trần Hoài Sơn (2008), Vốn văn hóa. In trong *30 thuật ngữ nghiên cứu văn hóa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.519-528.
12. UNESCO (2010), *The Power of culture for development*, Paris, France.